

đi phải được Hội đồng Bộ trưởng cho phép và sẽ được xét miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu.

Điều 7. — Các tổ chức kinh tế được phép nhập khẩu hàng hóa để bán trong nước thu ngoại tệ cho các đối tượng dưới đây, nếu nộp đủ thuế nhập khẩu mà bị lỗ sẽ được xét miễn giảm thuế nhập khẩu :

— Các tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

— Người nước ngoài và Việt kiều tại Việt Nam.

— Cán bộ, công nhân, học sinh được Nhà nước cử đi công tác, lao động, học tập ở nước ngoài sau khi đã nộp nghĩa vụ ngoại tệ cho Nhà nước.

Các trường hợp đã được miễn giảm thuế, nhưng không bán cho các đối tượng quy định trên hoặc không thu bằng ngoại tệ, các đơn vị phải truy nộp đủ số thuế đã được xét miễn giảm.

Điều 8. — Đối với một số mặt hàng xuất khẩu để thực hiện việc trả nợ của Chính phủ với nước ngoài sẽ được xét miễn hoặc giảm thuế.

Điều 9. — Giao cho Bộ Tài chính xét miễn giảm thuế cho các trường hợp quy định trên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. — Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 11. — Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại, Tổng Giám

đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÔ VĂN KIẾT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 139-CT ngày 24-5-1989 về việc cho phép các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể, hộ kinh tế cá thể kinh doanh vàng bạc, đá quý.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 :

Tiếp theo Quyết định số 193-HĐBT ngày 23-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng về kinh doanh thương mại và dịch vụ ở thị trường trong nước ;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mở rộng kinh doanh vàng bạc,

đá quý để đáp ứng nhu cầu của xã hội; đồng thời phối hợp với các tỉnh, thành phố tổ chức việc quản lý khai thác, thu mua vàng và kinh doanh vàng bạc, đá quý trên từng địa bàn.

Ngoài hệ thống kinh doanh vàng, bạc của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị kinh tế quốc doanh khác của một số ngành sản xuất kinh doanh có liên quan chặt chẽ đến khai thác, chế biến vàng bạc, nếu có đủ các điều kiện quy định tại điều 4 và 5 dưới đây và xét cần thiết cũng được phép kinh doanh vàng bạc.

Điều 2. — Nhà nước cho phép các đơn vị kinh tế tập thể, hộ kinh tế cá thể được kinh doanh vàng bạc, đá quý ở những nơi tập trung dân cư thực sự có nhu cầu và theo đúng các quy định nêu tại Quyết định này.

Điều 3. — Các đơn vị kinh tế kinh doanh vàng bạc được mua bán, gia công sửa chữa, làm mới các tư trang bằng vàng bạc ở trong nước theo sự hướng dẫn và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. — Các đơn vị kinh tế kinh doanh vàng bạc phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Phải có vốn bằng hiện kim tối thiểu theo quy định.
- Ký quỹ một phần vốn bằng hiện kim ở Ngân hàng.
- Có chuyên môn kỹ thuật.
- Có cửa hàng (cửa hiệu) địa chỉ rõ ràng.
- Có giấy phép kinh doanh vàng bạc do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 5. — Các đơn vị kinh tế kinh doanh vàng bạc phải thực hiện mua

bán có hóa đơn, có sổ sách kế toán theo quy định của Bộ Tài chính; chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế, pháp luật hiện hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước.

Các trường hợp vi phạm những quy định trên đây, tùy theo mức độ nặng, nhẹ đều bị phạt tiền, thu hồi giấy phép kinh doanh, tịch thu tang vật hoặc truy tố trước pháp luật.

Điều 6. — Ngân hàng Nhà nước là cơ quan cấp giấy phép kinh doanh vàng bạc, quy định vốn bằng hiện kim, mức ký quỹ, nhận ký quỹ vốn bằng hiện kim, kiểm tra nội dung hoạt động kinh doanh, phương tiện cân đo, sổ sách kế toán, ký mã hiệu và chất lượng hàng hóa... của các đơn vị kinh doanh vàng bạc.

Điều 7. — Từ nay, các đơn vị và cá nhân không có giấy phép kinh doanh vàng bạc do Ngân hàng Nhà nước cấp, không được tiếp tục kinh doanh, nếu vẫn tiếp tục kinh doanh sẽ bị xử lý bằng biện pháp hành chính về các hành vi đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép và xử lý các vi phạm theo pháp luật hiện hành.

Điều 8. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể để thi hành.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT